

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **4076**/BNV-TL

Hà Nội, ngày **02** tháng **8** năm **2017**

V/v đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công với cách mạng

Kính gửi:

- Văn phòng Trung ương và các Ban Đảng ở Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương;
- Đảng ủy khối trực thuộc Trung ương.

Thực hiện ý kiến của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ tại cuộc họp Ban Chỉ đạo Trung ương về cải cách chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công (Thông báo số 201/TB-VPCP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Nội vụ trân trọng đề nghị Quý cơ quan đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội và ưu đãi người có công với cách mạng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo Đề cương gửi kèm.

Trân trọng đề nghị Quý cơ quan gửi báo cáo nêu trên về Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trước ngày 10 tháng 9 năm 2017 để tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Lưu VT, Vụ TL (5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Trần Anh Tuấn

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO

*Tổng kết đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương, bảo hiểm xã hội
và ưu đãi người có công
(kèm theo công văn số 404/BNV-TL ngày 02 tháng 8 năm 2017)*

Phần thứ nhất

Đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương từ năm 2004 đến nay

I. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động

1. Số lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động theo hợp đồng lao động và tiền lương đối với các đối tượng này tính đến ngày 31/12/2016 (theo mẫu gửi kèm).

2. Số lượng đơn vị sự nghiệp, chia theo các ngành: Y tế, giáo dục và đào tạo; lao động - thương binh và xã hội; văn hóa - thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác và theo phân loại đơn vị sự nghiệp quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ, cụ thể:

- Số lượng đơn vị sự nghiệp công tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công bảo đảm chi thường xuyên;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công bảo đảm một phần chi thường xuyên;
- Số lượng đơn vị sự nghiệp công do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên của từng ngành.

II. Thực trạng chính sách tiền lương hiện hành (nêu rõ những bất cập, phân tích nguyên nhân)

1. Về tiền lương tối thiểu

Đánh giá những mặt được, chưa được về mức lương cơ sở của cán bộ, công chức, viên chức, so sánh tương quan với mức lương tối thiểu vùng trên địa bàn và tiền lương các đối tượng khác trong xã hội.

2. Về quan hệ tiền lương

Đánh giá những mặt được, chưa được về quan hệ tiền lương hiện hành: Giữa cán bộ, công chức với lực lượng vũ trang; cán bộ, công chức với viên chức; cán bộ, công chức với doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp nhà nước.

3. Hệ thống bảng lương

Đánh giá những mặt được, chưa được trong các bảng lương, mức lương theo ngạch, bậc, việc xếp lương, trả lương đối với đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

4. Chế độ nâng ngạch, nâng bậc lương

Đánh giá những mặt được, chưa được trong tiêu chuẩn, điều kiện nâng ngạch, nâng lương đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Chế độ phụ cấp lương:

- Đánh giá những mặt được, mặt hạn chế về các chế độ phụ cấp lương, mức hưởng và đối tượng hưởng phụ cấp, điều kiện áp dụng, cách chi trả.

- Đánh giá các chế độ phụ cấp tự quy định theo thẩm quyền (ngoài các chế độ phụ cấp nêu trên).

6. Về cơ chế quản lý và chi trả tiền lương

- Đánh giá cơ chế tiền lương (trong đó có việc tính đúng, tính đủ tiền lương vào giá (phí) dịch vụ).

- Đánh giá các nguồn kinh phí để trả lương và thu nhập đối với các đối tượng hưởng lương ngân sách nhà nước (các nguồn, tính ổn định, thường xuyên, tính bình quân trong phân phối, sự khác biệt khi sử dụng các nguồn...).

- Đánh giá những mặt được, mặt còn hạn chế về phạm vi, đối tượng áp dụng; điều kiện áp dụng và mức hưởng khi thực hiện chi trả thu nhập tăng thêm, trong đó nêu rõ: Số người, mức hưởng, điều kiện áp dụng; Các nguồn kinh phí chi trả thu nhập tăng thêm (từ hệ số tiền lương tăng thêm; tăng thêm theo chế độ khoán, tự chủ; từ nguồn hợp pháp khác,...); Cách thức chi trả các khoản thu nhập tăng thêm (chi trả theo bình quân, theo phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, theo hệ số lương...).

7. Về các khoản thu nhập ngoài lương

- Đánh giá những mặt được, mặt hạn chế việc bổ sung thu nhập đối với cán bộ, công chức, người lao động từ nguồn kinh phí của đơn vị như: Tiền bồi dưỡng hợp, bồi dưỡng đối với người chủ trì hoặc tham gia đóng góp xây dựng văn bản, đề án, đề tài, làm thêm ngoài giờ, hỗ trợ ăn trưa,...

- Chế độ khen thưởng định kỳ, đột xuất đối với cán bộ, công chức gắn với hiệu quả công việc và thành tích đóng góp vào hoạt động của đơn vị từ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi được trích lập theo quy định.

III. Đánh giá chung

IV. Kiến nghị, đề xuất

Phần thứ hai

Đánh giá thực trạng chính sách bảo hiểm xã hội từ khi triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa IX đến nay

1. Về mở rộng diện bao phủ BHXH

- Số người tham gia BHXH (số đang tham gia và số bảo lưu thời gian đóng BHXH) so với lực lượng lao động;
- Số người tham gia BHXH (số đang tham gia và số bảo lưu thời gian đóng BHXH) so với lực lượng lao động trong độ tuổi;
- Số người hưởng lương hưu so với số người sau độ tuổi nghỉ hưu (nam sau 60, nữ sau 55);
- Các chế độ ngắn hạn: Ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, thất nghiệp;
- Các chế độ dài hạn: Hưu trí và tử tuất

2. Tính bền vững tài chính quỹ bảo hiểm xã hội

- Quỹ ốm đau, thai sản: Tình hình thu, chi, cân đối quỹ hàng năm
- Quỹ tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp: Tình hình thu, chi, cân đối quỹ hàng năm
- Quỹ bảo hiểm thất nghiệp: Tình hình thu, chi, cân đối quỹ hàng năm
- Quỹ hưu trí và tử tuất: Tình hình thu, chi, cân đối quỹ

3. Quản lý hệ thống bảo hiểm xã hội

- Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội;
- Quản lý bộ máy tổ chức thực hiện chính sách BHXH

4. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế.

5. Các giải pháp cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

6. Những đề xuất, kiến nghị của các Bộ, ngành, địa phương đối với Chính phủ, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương.

Phần thứ ba

Đánh giá tình hình thực hiện chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2012-2017

I. Thực trạng và kết quả thực hiện chính sách ưu đãi người có công

(Đánh giá nội dung, kết quả thực hiện và tài chính thực hiện chính sách theo nhóm đối tượng thụ hưởng; xác định các bất cập về chế độ ưu đãi giữa các nhóm đối tượng)

1. Nhóm chính sách trợ cấp hàng tháng đối với người có công
2. Nhóm chính sách trợ cấp 1 lần đối với người có công
3. Nhóm chính sách hỗ trợ giáo dục, đào tạo nghề, hỗ trợ việc làm
4. Nhóm chính sách chăm sóc sức khỏe: khám chữa bệnh, điều dưỡng, nuôi dưỡng, chỉnh hình phục hồi chức năng
5. Nhóm chính sách hỗ trợ nhà ở
6. Các chính sách khác (thờ cúng liệt sĩ, thăm viếng mộ liệt sĩ, cấp báo chí,...)
7. Đầu tư nghĩa trang, tượng đài liệt sĩ
8. Tìm kiếm, quy tập, xác định thông tin mộ liệt sĩ

II. Đánh giá chung

III. Các kiến nghị đề xuất./.

TỔNG HỢP THU NHẬP, TIỀN LƯƠNG CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2016

(Kèm theo công văn số /BNV-TL ngày tháng năm 2017 của Bộ Nội vụ)

STT	Nội dung	Số lượng đơn vị sự nghiệp	Tổng số người trong danh sách trả lương		Quý tiền lương theo ngạch, bậc, chức danh (triệu đồng)	Quý phụ cấp lương						Thu nhập tăng thêm (triệu đồng)		Thu nhập bổ sung khác (triệu đồng)	Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, BHTN, KPCD (triệu đồng)	Tổng quỹ tiền lương, thu nhập (triệu đồng)	Ghi chú
			Biên chế/ Số lượng người làm việc được giao	Số người có mặt tại 31/12/2016		PC chức vụ lãnh đạo (triệu đồng)	PC thâm niên vượt khung (triệu đồng)	PC ưu đãi (triệu đồng)	...	PC công tác Đảng, Đoàn thể (triệu đồng)	Tổng quỹ phụ cấp lương (Triệu đồng)	Từ hệ số tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ	Thu nhập tăng thêm do cơ quan, đơn vị thực hiện theo cơ chế tự chủ				
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	...	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)
I	Đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các cơ quan Đảng, tổ chức chính trị-xã hội từ cấp huyện trở lên																
1	Cán bộ, công chức																
2	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP																
3	Đối tượng khác																
II	Đối tượng hưởng lương trong đơn vị sự nghiệp																
1	Công chức trong các đơn vị sự nghiệp																
2	Viên chức																
3	Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền phê duyệt																
4	Người lao động làm việc theo hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP																
	Tổng cộng (I+II)																

* Ghi chú:

- Cột (3): Ghi tổng số biên chế được giao năm 2016.
- Cột (4): Ghi tổng số người trong danh sách trả lương tại thời điểm 31/12/2016 thuộc phạm vi quản lý.
- Cột (5): Ghi quỹ tiền lương thực hiện chi trả cho tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016;

Cột (6) đến cột (23) "Quý phụ cấp lương" bao gồm các loại phụ cấp: Phụ cấp chức vụ lãnh đạo; Phụ cấp thâm niên vượt khung; Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo; Phụ cấp khu vực; Phụ cấp đặc biệt; Phụ cấp thu hút; Phụ cấp lưu động; Phụ cấp độc hại, nguy hiểm; Phụ cấp thâm niên nghề; Phụ cấp ưu đãi theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm theo nghề; Phụ cấp trách nhiệm công việc; Phụ cấp phục vụ quốc phòng, an ninh; Phụ cấp đặc thù áp dụng đối với lực lượng vũ trang; Phụ cấp theo loại xã; Phụ cấp công tác lâu năm ở vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn; Phụ cấp công vụ; Phụ cấp Đảng, đoàn thể trong năm 2016.

- Cột (24): Tổng quỹ phụ cấp lương = tổng số tiền chi trả các chế độ phụ cấp lương từ cột (6) đến cột (23);

Cột (25): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ của tổng số người trong danh sách trả lương năm 2016 thuộc phạm vi quản lý;

- Cột (26): Ghi tổng số tiền chi trả thu nhập tăng thêm từ hệ số thu nhập tăng thêm do cơ quan, đơn vị thực hiện theo chế độ khoán, tự chủ;

Cột (27): Ghi tổng số tiền chi trả các khoản thu nhập khác (ngoài tiền lương, phụ cấp lương và thu nhập tăng thêm) năm 2016;
(Thu nhập khác do địa phương, cơ quan, đơn vị tự quy định từ các nguồn hợp pháp khác)

- Cột (28): Ghi tổng kinh phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (nếu có), kinh phí công đoàn do người sử dụng lao động đóng góp theo quy định của pháp luật.

- Cột (29): Tổng quỹ tiền lương, thu nhập = (5) + (24) + (25) + (26) + (27) + (28).